

Phụ lục 2

Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đơn vị, địa phương đối với Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số mức hỗ trợ để thực hiện Chương trình Bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030;

Căn cứ Công văn số 5668/BNN-KTHT ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình Bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 17-TB-TTHĐND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp ngày 25 tháng 5 năm 2023;

Thực hiện Công văn số 1564/UBND-KTTH ngày 29/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp ngày 25 tháng 5 năm 2023;

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản số 1616/SNN-CCPTNT về việc lấy ý kiến Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ thực hiện chương trình bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp¹, báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đơn vị, địa phương đối với Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số mức hỗ trợ để thực hiện Chương trình Bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau:

¹ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được văn bản góp ý của 18 đơn vị .

STT	Đơn vị	Số văn bản; Ngày, tháng, năm ban hành	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	Sở Công thương	Số: 966/SCT-HCTH ngày 01/6/2023	Thông nhất	Tiếp thu
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	Số: 1451/STNMT-BĐBTGD ngày 31/5/2023	Thông nhất	Tiếp thu
3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Số: 1079/SLĐTBOXH-LĐVL&GDNN ngày 01/6/2023	Thông nhất	Tiếp thu
4	Sở Thông tin và Truyền thông	Số: 944/STTTT-HCTH ngày 01/6/2023	<p>Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo rà soát và điều chỉnh lại thời gian ban hành văn bản để phù hợp với thực tế. Cụ thể tại Dự thảo Tờ trình² như sau:</p> <p>(1) - Tại phần địa danh: “Kon Tum, ngày tháng năm 2022”.</p> <p>(2) - Tại phần đề nghị ban hành: “Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số .../TTr-SNN ngày....tháng ... năm 2023 (kèm theo Báo cáo số .../BC-STP ngày ... tháng năm 2024 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh)”.</p>	<p>(1) Tiếp thu, chỉnh sửa;</p> <p>(2) Tiếp thu, chỉnh sửa.</p>

² Dự thảo Tờ trình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ cho một số nội dung để thực hiện Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

STT	Đơn vị	Số văn bản; Ngày, tháng, năm ban hành	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
5	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật	Số: 138/CV-LHH ngày 01/6/2023	<p>(1). Về mục đích, quan điểm xây dựng văn bản (dự thảo Tờ trình, Mục III):</p> <p>Theo nội dung nêu tại điểm d) khoản 7, Mục VI của Quyết định số 590/QĐ-TTg, về trách nhiệm của UBND tỉnh, có nêu: “<i>Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương</i>”.</p> <p>Theo đó, việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ theo thẩm quyền của địa phương để thực hiện Chương trình gồm nhiều nội dung, giải pháp thực hiện chương trình được quy định tại mục IV, Điều 1 của Quyết định 590/QĐ-TTg (bao gồm 6 nhiệm vụ và giải pháp lớn), trong khi nội dung dự thảo Nghị quyết chỉ đề cập đến một số nội dung hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình được quy định tại điểm c) khoản 2 của Mục này.</p> <p>Vì vậy, đề nghị cần nghiên cứu về tính đồng bộ của việc ban hành chính sách để tránh bất cập khi triển khai thực hiện.</p> <p>(2). Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, nguyên tắc thực hiện (dự thảo Nghị quyết, Điều 1, Điều 2): những nội dung này nên biên tập tóm tắt, nhưng đầy đủ hơn, theo hướng “thực hiện theo Điều, Mục, Khoản ... của Quyết định 590/QĐ-TTg”, không nên sao y lại nội dung nhằm tránh sai sót. Ví dụ như đối với Khu kinh tế - quốc phòng, ở Kon Tum trong hiện tại và thời gian tới có hình thành đối tượng này không? Và dự thảo không đưa đối tượng này vào Nghị quyết liệu có bất cập khi triển khai thực hiện không?</p>	<p>(1) Không tiếp thu. Lý do: Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số: 1135/BTC-ĐT ngày 8/2/2023, bố trí vốn sự nghiệp kinh tế để thực hiện. Do vậy, việc tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về mức hỗ trợ một số nội dung liên quan đến hoạt động sự nghiệp. Còn các nội dung hỗ trợ khác thực hiện từ nguồn vốn đầu tư; quá trình lập dự án, các đơn vị thực hiện khảo sát, thiết kế để xây dựng dự án phù hợp với Luật đầu tư công.</p> <p>(2) Tiếp thu, chỉnh sửa.</p>
6	Hội Nông dân	Số: 1370-CV/HNDT	Tổng nhất	Tiếp thu

STT	Đơn vị	Số văn bản; Ngày, tháng, năm ban hành	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
		ngày 01-6-2023		
7	Sở Giao thông vận tải	Số: 1040/SGTVT-KHTC ngày 01/6/2023	Thông nhất	Tiếp thu
8	Sở Ngoại vụ	Số: 519/SNgV-HCTH ngày 01/6/2023	Thông nhất	Tiếp thu
9	Ủy ban nhân dân huyện Tư Mờ Rông	Số: 1185/UBND-NN ngày 02/6/2023	Thông nhất	Tiếp thu
10	Ban Dân tộc	Số: 582/BDT-CSDT ngày 02/6/2023	(1). Đối với dự thảo Nghị quyết: Tại Khoản 2, Điều 3 cần nêu rõ trường hợp nào được hỗ trợ lương thực. Lý do: Tránh nhầm lẫn tất cả các trường hợp là hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch đều được hỗ trợ lương thực. Trong khi đó, tham khảo tại gạch đầu dòng (-) thứ hai, Điều c, Khoản 2, Điều 3, Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “ <i>Trường hợp hộ gia đình bị mất nhà ở, đất ở, đất sản xuất do thiên tai được hỗ trợ thêm 12 tháng lương thực theo mức tương đương 30 kg gạo/người/tháng</i> ”.	(1) Không tiếp thu. - Theo quy định tại điểm c khoản 2 mục IV Quyết định 590/QĐ-TTg có quy định hỗ trợ lương thực (trong thời gian đầu ở nơi tái định cư) cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình. Do vậy, trong quá trình soạn thảo căn cứ vào mức hỗ trợ lương thực thực cho các hộ di dân theo Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND tỉnh Kon Tum đề đề xuất mức hỗ trợ (15 kg/người/tháng)

STT	Đơn vị	Số văn bản; Ngày, tháng, năm ban hành	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
			<p>(2). Đối với phụ lục 1 (thuyết minh cơ sở xây dựng nghị quyết):</p> <p>(2.1.) - Tại số thự tự thứ nhất (1), cột thứ tư (4): đề nghị biên tập lại như sau: “Đề xuất bằng mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình tại Điểm c, Khoản 2, Điều 3 Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012”. Lý do: Đơn vị soạn thảo biên tập: “Đề xuất bằng mức hỗ trợ ổn định dân cư tại chỗ theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 3 Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012” là chưa đúng.</p> <p>(2.2) - Tại số thứ tự thứ hai (2), cột thứ ba (3): đề nghị bổ sung cơ sở đề xuất mức hỗ trợ 15 kg/người/tháng (thời gian hỗ trợ không quá 12 tháng). Lý do: Đơn vị soạn thảo đề xuất bằng mức hỗ trợ ổn định dân cư tại chỗ theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 3 Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012”. Tuy nhiên tại điểm đ khoản 2 điều 3 Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 nêu: “Hỗ trợ ổn định dân cư tại chỗ: Hộ gia đình ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/hộ để nâng cấp nhà ở, mua thuyền, xuồng và vật dụng phòng chống thiên tai khác”, là chưa phù hợp về nội dung.</p>	<p>(2) Tiếp thu, chỉnh sửa, cụ thể:</p> <p>2.1 Chỉnh sửa bằng mức hỗ trợ theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 3 Quyết định 1776/QĐ-TTg</p> <p>2.2 Chỉnh sửa cơ sở đề xuất mức hỗ trợ lương thực bằng mức hỗ trợ lương thực theo Quyết định 285/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum</p>
11	Sở Tài chính	Số: 1917/STC-QLNS ngày 02/6/2023	<p>(1). Tại Điều 4 (Kinh phí và nguồn vốn thực hiện) dự thảo Nghị quyết, đơn vị đã soạn thảo:</p> <p>“Điều 4. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện</p> <p>Kinh phí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế của địa phương (gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện), nguồn xã hội hoá và nguồn vốn hợp pháp khác.”</p> <p>Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ³, trong đó tại phần V quy định:</p> <p>“V. KINH PHÍ, NGUỒN VỐN THỰC HIỆN</p> <p>1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân</p>	<p>(1) Tiếp thu, chỉnh sửa như sau: Nguồn kinh phí sự nghiệp theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước</p>

³ Phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

STT	Đơn vị	Số văn bản; Ngày, tháng, năm ban hành	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
			<p>sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn.”</p> <p>Tình hình ngân sách tỉnh Kon Tum hiện nay còn khó khăn nguồn thu tại địa bàn địa phương được hưởng khoảng 40%, còn lại ngân sách Trung ương bổ sung, hỗ trợ khoảng 60%. Triển khai thực hiện các Chương trình, dự án, chính sách đặc thù theo chủ trương của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân như: Dự án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H’Drai, ..., ngân sách địa phương cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ này, do đó để đảm bảo nguồn thực hiện Chương trình bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn tỉnh và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách hiện nay và các năm tiếp theo, Sở Tài chính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, bổ sung nguồn Trung ương hỗ trợ nhằm thuận lợi trong quá trình thực hiện khi địa phương đề nghị Trung ương hỗ trợ một phần kinh phí cho các chương trình, dự án cụ thể mà ngân sách địa phương chưa cân đối đủ nguồn bố trí thực hiện và biên tập lại như sau:</p> <p>“Điều 4. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện</p> <p>Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ; nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành (ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định pháp luật liên quan; kết hợp nguồn xã hội hoá và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.”</p> <p>(2). Tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết, đơn vị soạn thảo mức hỗ trợ đào tạo dạy nghề, nêu: “4. Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề: Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất, thì hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ 01 lần chuyển đổi nghề. Mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hộ để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, làm các ngành nghề khác.</p>	<p>(2) Nội dung này qua rà soát, việc thực hiện chuyển đổi nghề lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia nên không cần thiết ban</p>

STT	Đơn vị	Số văn bản; Ngày, tháng, năm ban hành	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
			<p>Trường hợp không có nhu cầu mua sắm nông cụ, máy móc thì được hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 09 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng</p> <p>(3) Qua rà soát, tại Khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết, đơn vị có dẫn chiếu mức hỗ trợ theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 09 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên tại Điều 5 (Tổ chức thực hiện) của dự thảo Nghị quyết đơn vị chưa dự thảo nội dung trường hợp các văn bản dẫn chiếu của Trung ương (Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg) sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì địa phương thực hiện theo văn bản quy định nào của Trung ương, do đó, đề nghị đơn vị rà soát, bổ sung thêm khoản 3 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết như sau:</p> <p>“3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định dẫn chiếu, áp dụng tại Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.”</p> <p>(4) Ngoài ra đề nghị đơn vị rà soát, lập bổ sung thuyết minh, kèm biểu tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương đảm bảo theo qui định, theo phân cấp (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện) để thực hiện các chính sách này (trong đó phân kỳ cụ thể cho từng năm giai đoạn 2023-2025 và giai đoạn tiếp theo) làm cơ sở để các cấp thẩm quyền xem xét ban hành Nghị quyết.</p>	<p>hành chính sách nên đã loại bỏ quy định về mức hỗ trợ chuyển đổi nghề trong dự thảo Nghị quyết</p> <p>(3) Nội dung này qua rà soát, việc thực hiện chuyển đổi nghề lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia nên không cần thiết ban hành chính sách nên đã loại bỏ quy định về mức hỗ trợ chuyển đổi nghề trong dự thảo Nghị quyết. Do vậy, không cần bổ sung quy định dẫn chiếu, áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thay đổi.</p> <p>(4) Tiếp thu, bổ sung tại Phụ lục 3 về dự kiến nguồn kinh phí thực hiện theo các giai đoạn</p>
12	Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei	Số: 1041/UBND-NN ngày 02/6/2023	<p>(1) Tại Mục 1, Điều 3 của dự thảo Nghị quyết về mức hỗ trợ di chuyển người và tài sản: “hộ gia đình ở vùng có nguy cơ thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn nếu di chuyển nội vùng dự án mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ; di chuyển trong tỉnh mức hỗ trợ 23 triệu đồng/hộ; di</p>	<p>(1) Không tiếp thu, vì không có cơ sở đề xuất về việc nâng mức hỗ trợ.</p>

STT	Đơn vị	Số văn bản; Ngày, tháng, năm ban hành	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
			<p>chuyển ngoại tỉnh mức hỗ trợ 25 triệu đồng/hộ. Hộ gia đình được bố trí ổn định ở các xã biên giới đất liền Việt Nam -Lào, Việt Nam -Campuchia nếu di chuyển đến thôn, bản sát biên giới, mức hỗ trợ là 35 triệu đồng/hộ; đến thôn, bản khác (không giáp biên giới), mức hỗ trợ là 30 triệu đồng/hộ”.</p> <p>Đề nghị xem xét điều chỉnh bổ sung: “hộ gia đình ở vùng có nguy cơ thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn nếu di chuyển nội vùng dự án mức hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ; di chuyển trong tỉnh mức hỗ trợ 45 triệu đồng/hộ; di chuyển ngoại tỉnh mức hỗ trợ 50 triệu đồng/hộ. Hộ gia đình được bố trí ổn định ở các xã biên giới đất liền Việt Nam -Lào, Việt Nam -Campuchia nếu di chuyển đến thôn, bản sát biên giới, mức hỗ trợ là 45 triệu đồng/hộ; đến thôn, bản khác (không giáp biên giới), mức hỗ trợ là 35 triệu đồng/hộ”.</p> <p>Lý do điều chỉnh: UBND huyện nhận thấy mức hỗ trợ quy định tại Mục 1. Điều 3 của dự thảo Nghị quyết vận dụng vào định mức theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 là chưa phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Tại thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1776/QĐ-TTg vào năm 2012, hiện nay đã cách 11 năm, việc sử dụng định mức trên là chưa thỏa đáng so với tình hình thực tế như hiện nay.</p> <p>(2) Đối với nội dung tại Khoản 4, Điều 3 Nghị quyết: Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề. Hiện nay đang vận dụng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng là chưa phù hợp vì đã hết hiệu lực thi hành, đề nghị xem xét lại.</p>	(2) Không tiếp thu vì Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 vẫn còn hiệu lực.
13	Sở Xây dựng	Số: 803/SXD-PTĐT ngày 02/6/2023	Thống nhất	Tiếp thu
14	Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà	Số: 1447/UBND-TH ngày 02/6/2023	Đề nghị đơn vị được giao nhiệm vụ soạn thảo nghiên cứu, nâng mức hỗ trợ được quy định tại khoản 1, điều 3 cho phù hợp với chi phí thực tế của địa phương.	Không tiếp thu vì không có cơ sở đề xuất nâng mức hỗ trợ như góp ý.

STT	Đơn vị	Số văn bản; Ngày, tháng, năm ban hành	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
			Vi: Đơn vị được giao nhiệm vụ soạn thảo văn bản viện dẫn Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020 để làm cơ sở quy định các mức hỗ trợ. Tuy nhiên văn bản đã hết thời hạn áp dụng và các khoảng chi phí thực tế cho việc di dời, tái định cư của các hộ dân thuộc đối tượng hỗ trợ cao hơn nhiều so với mức hỗ trợ theo dự thảo Nghị quyết.	
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Số: 1512/SKHĐT-KT ngày 05/6/2023	Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan rà soát các quy định, cơ chế, chính sách hỗ trợ hiện hành để đề xuất cụ thể phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, mức hỗ trợ từng nội dung cụ thể,... đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, nguồn lực thực hiện và quy định của pháp luật hiện hành	Tiếp thu
16	Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Số: 674/BTV-TGGĐXHKT ngày 05/6/2023	Thông nhất	Tiếp thu
17	Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	Số: 2312/MTTQ-BTT ngày 05/6/2023	Thông nhất	Tiếp thu
18	Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai	Số: 841/UBND-TH ngày 07/6/2023	Thông nhất	Tiếp thu